

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM
LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

*** CÁCH THỨC THỰC HIỆN**

- **Cấp tỉnh:** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cà Mau; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).

- **Cấp xã:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; hoặc nộp qua Dịch vụ bưu chính công ích; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).

- **Thời gian tiếp nhận:** Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	3.000496.H12	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực	- Trường hợp 1: Trường hợp không kiểm tra thực tế: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải	Không	- Điều 26 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	- Trường hợp 2: Trường hợp cần kiểm tra thực tế: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 3: Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES). - Trường hợp 4: Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu): 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.		của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “3.000496” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh							
1	1.004819.H12	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	- Trường hợp 1: Trường hợp không kiểm tra thực tế: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Trường hợp cần kiểm tra thực tế: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 3: Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES). - Trường hợp 4: Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và quyết định Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	- Điều 26 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.004819” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu): 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				
2	1.011470. H12	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	- Trường hợp 1: Không phải xác minh: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Phải xác minh: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	Thông tư số 26/2025/TTBNN MT (Điều 6)	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.011470” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	1.000045.H12	Xác nhận bảng kê lâm sản	- Trường hợp 1: Không phải xác minh: 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Phải xác minh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 3: Xác minh có nhiều nội dung phức tạp: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã; Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và quyết định: Cơ quan Kiểm lâm sở tại; Chi cục Kiểm lâm.	Không	Thông tư số 26/2025/TTBNN MT (Điều 5)	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.000045” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	1.000047.H12	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Trong thời hạn 06 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã; Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và quyết định: Cơ quan Kiểm lâm sở tại; Chi cục Kiểm lâm.	Không	Thông tư số 26/2025/TTBNN MT (Điều 7)	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.000047” trên Cổng Dịch vụ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							công quốc gia
5	3.000160.000.00.00.H12	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	- Trường hợp 1: Không kiểm tra, xác minh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Phải đi kiểm tra, xác minh: 13 làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và quyết định: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	Nghị định số 102/2020/NĐ CP ngày 01/9/2024 được sửa đổi, bổ sung năm 2024. Thông tư số 26/2025/TTBNN MT (Chương III)	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “3.000160” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
B. Thủ tục hành chính cấp xã							
1	1.012922.000.00.00.H12	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. - Cơ quan thực hiện và quyết định: cơ quan chuyên môn cấp xã	Không	Khoản 8 Điều 12 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012922”

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
2	1.012531.H12	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh	Không	Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012531” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
3	1.011471.H12	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân	- Trường hợp 1: Không phải xác minh: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Phải xác minh: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không	Thông tư số 26/2025/TTBNN MT (Điều 6)	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.011471”

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		cấp xã		- Cơ quan quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.			trên Công Dịch vụ công quốc gia

Ghi chú: Thủ tục hành chính tương ứng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Danh mục kèm theo Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Tổng số Danh mục có 09 TTHC./.